

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Ông Trần Thanh Việt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 728/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số X/Y, khóm B 4, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Ông L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp H 1, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*(Tại phiên tòa có mặt bà D; ông L vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 20/08/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà D và ông L tự nguyện tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, sau đó tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 16/08/2017 (trích lục kết hôn số 541 ngày 16/08/2017). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L nghiện game, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con.

Cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên: T sinh ngày 05/12/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông L vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến:*

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà D tranh chấp về ly hôn, nuôi con với ông L, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên phải tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Tòa án đã tiến hành biện pháp lấy lời khai làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp.

[1.3] Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân giữa bà D và ông L xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L, căn cứ để bà yêu cầu do ông L nghiện game không quan tâm chăm sóc vợ con, nhiều lần bà D khuyên nhưng không bỏ được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông L.

[2.3] Xét thấy, qua phần trình bày của bà D, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng muốn đoàn tụ, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho hai bên đoàn tụ nhưng ông L vắng mặt. Do đó, đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:

[3.1] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên: T sinh ngày 05/12/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng bà D. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

[3.2] Xét thấy, cháu T chưa thành niên (02 tuổi), hiện đang sống cùng bà D, bà D có công việc làm ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T, bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Do đó, nhằm tạo cuộc sống ổn định cho cháu T, yêu cầu của bà D là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà D có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Bà D được ly hôn với ông L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 16 tháng 08 năm 2017 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:

Có 01 (một) con chung tên: T sinh ngày 05/12/2019. Sau khi ly hôn, bà D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà D phải tạo điều kiện cho ông L trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007729 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Ông L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Quốc Việt**